TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 10 - 2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trung;

2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:179/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lý Minh C, sinh năm 1962 (Vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lý Minh C trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1989, ông Lý Minh C và bà Nguyễn Thị T có tổ chức đám cưới và ngày 09 tháng 01 năm 2017, ông C và bà T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc và có với nhau được 02 người con tên là Lý H, sinh ngày 21/11/1997 và Lý Thiên N, sinh ngày 21/11/1997. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống, bà T thường xuyên đi ăn chơi, nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình, không làm tròn bổn phận người vợ và ông C cũng đã nhiều lần khuyên can, nhưng bà T không sửa chữa. Sau đó, ông C và bà T đã ly thân cho đến nay. Nhận thấy mục đích

hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng và không thể kéo dài.

Nay, ông Lý Minh C nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông C xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Lý H, sinh ngày 21/11/1997 và Lý Thiên N, sinh ngày 21/11/1997 đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp đã triệu tập và tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng bà T không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và bà T có trình bày trong biên bản tống đạt là vợ chồng đã ly thân lâu rồi, nên bà T không đi đến Tòa án được, Tòa án cứ cho ly hôn đi.

Ông Lý Minh C khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lý Minh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn là ông Lý Minh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 09 tháng 01 năm 2017, ông Lý Minh C và bà Nguyễn Thị T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống, bà T thường xuyên đi ăn chơi, nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình, không làm tròn bổn phận người vợ và ông C cũng đã nhiều lần khuyên can, nhưng bà T không sửa chữa.

[4] Sau đó, ông C và bà T đã ly thân cho đến nay; ông C và bà T đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo thụ lý vụ án, nhưng bà T cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn và bà T có trình bày trong biên bản tống đạt là vợ chồng đã ly

thân lâu rồi, nên bà T không đi đến Tòa án được, Tòa án cứ cho ly hôn đi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con: Có 02 người con chung tên là Lý H, sinh ngày 21/11/1997 và Lý Thiên N, sinh ngày 21/11/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, ông Lý Minh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Ông Lý Minh C và bà Nguyễn Thị T được ly hôn.

Về con, tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lý Minh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp (do ông Lê Văn L nộp thay) là 300.000đồng theo biên lai thu

số:0005218 ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; ông Lý Minh C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Lý Minh C có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 10 năm 2018). Đối với bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung